

Bản án số: 27/2018/HS-ST

Ngày 09-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Tộ.

Ông Lê Mạnh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 04 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 06 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/HSST-QĐ ngày 26/6/2018, đối với các bị cáo:

1. Trịnh T, sinh năm 1981 tại xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Thôn G, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn K và bà Bùi Thị Đ; vợ là Đinh Thị H và có 03 con chung, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 26/01/2018, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/01/2018. *Có mặt.*

2. Nguyễn Đ, sinh năm 1980 tại xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Thôn G, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân V và bà Trịnh Thị X; vợ là Trịnh Thị Loan và có 02 con chung, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 26/01/2018, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/01/2018. *Có mặt.*

3. Nguyễn H, sinh năm 1989 tại xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Thôn P, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Thị L; vợ là Nguyễn Thị A và có 02 con chung, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 26/01/2018, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/01/2018. *Có mặt.*

4. Nguyễn D, sinh năm 1992 tại xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Thôn G, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D1 và bà Trịnh Thị P; vợ là Nguyễn Thị M và có 02 con chung, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 26/01/2018, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 02/02/2018. *Có mặt.*

5. Lê Văn T, sinh năm 1995 tại xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Thôn P, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Nguyễn Y; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 26/01/2018, thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/01/2018. *Có mặt.*

6. Nguyễn Mạnh X, sinh năm 1984 tại xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Thôn G, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Đ và bà Nguyễn Thị E; vợ là Bùi Thị O và có 02 con chung, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. *Có mặt.*

7. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982 tại xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Thôn P, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Trịnh Thị T; vợ là Trần Thị L và có 02 con chung, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. *Có mặt.*

8. Nguyễn Quang G, sinh năm 1992 xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Thôn P, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Trịnh Thị T vợ là Đinh Thị T và có 01 con chung, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. *Có mặt.*

9. Trịnh Văn Q, sinh năm 1993 tại xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Thôn N, xã L, huyện M, thành phố

Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Ư và bà Lê Thị Ơ; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. *Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 40 phút ngày 26/01/2018 tại nhà ông Trịnh Minh Đ, sinh năm 1961, ở Thôn N, xã L, Công an huyện M bắt quả tang các đối tượng: Trịnh T, sinh năm 1981; Nguyễn Đ, sinh năm 1980, địa chỉ thôn G, xã L; Nguyễn H, sinh năm 1989; Lê Văn T, sinh năm 1995, địa chỉ thôn P, xã L, huyện M đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh sóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, cùng có mặt tại nơi phát hiện sự việc còn có Nguyễn D, sinh năm 1992 tại thôn G, xã L.

Tang vật thu giữ tại chiếu bạc 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị. Kiểm tra trên người các đối tượng, thu giữ: của Trịnh T 11.300.000 đồng, Nguyễn H 5.300.000 đồng, Nguyễn Đ 1.500.000 đồng, thu giữ của Nguyễn D 01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại Iphone 6 plus và số tiền 16.800.000 đồng Nguyễn D cất giấu trong tủ quần áo của gia đình ông Đức.

Trong các ngày 02/02 và 12/02/2018 có thêm 04 đối tượng: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982; Nguyễn Quang G, sinh năm 1992, cùng ở thôn P, xã L; Nguyễn Mạnh X, sinh năm 1984 ở thôn G, xã L; Trịnh Văn Q, sinh năm 1993 ở Thôn N, xã L đến Công an huyện M đầu thú và khai nhận đã cùng tham gia hành vi đánh bạc nêu trên; Nguyễn Quang G tự nguyện giao nộp 1.900.000 đồng; Nguyễn Mạnh X giao nộp 200.000 đồng và cùng khai nhận là tiền đánh bạc. Tổng số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ 37.000.000 đồng.

Quá trình điều tra làm rõ như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 26/01/2018, Trịnh T, Nguyễn D, Nguyễn Đ, Nguyễn Mạnh X, Nguyễn H, Lê Văn T, Trịnh Văn Q rủ nhau đến nhà ông Trịnh Minh Đ ở Thôn N, xã L để đánh bạc (ông Trịnh Minh Đ là cậu ruột của Nguyễn D). Nguyễn D mang theo số tiền 21.800.000 đồng với mục đích cho vay đánh bạc, các đối tượng còn lại rủ nhau chơi xóc đĩa ăn tiền. Nguyễn Mạnh X lấy vỏ bao thuốc lá cắt 04 quân bài tròn. Trịnh T dùng bát và đĩa đã có sẵn để cầm cái. Các đối tượng quy ước: Mọi người tham gia sẽ đặt tiền và đoán số quân bài chẵn-lẻ, khi mở bát, ai đoán đúng sẽ được gấp đôi, ai đoán sai sẽ bị mất số tiền đã đặt cửa. Sau đó có thêm Nguyễn Văn Th và Nguyễn Quang G đến cùng tham gia. Đến khoảng 01 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an huyện M phát hiện bắt giữ. Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Giáp, Nguyễn Mạnh X và Trịnh Văn Q đã chạy thoát.

Trịnh T khai mang theo 5.000.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt Thắng đang được của các đối tượng khác nên có trong người 11.300.000 đồng.

Nguyễn Đ khai mang theo 2.000.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt đã thua mất 500.000 đồng, bị thu giữ số tiền còn lại.

Nguyễn H khai mang 4.800.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi được thêm 500.000đ, khi bị bắt đang có 5.300.000 đồng.

Nguyễn D khai mang 21.800.000 đồng để cho số đối tượng chơi bạc vay kiếm lời; đã cầm cố điện thoại Lê Văn T, Trịnh Văn Q và cho Tuấn vay 3.000.000 đồng, Trịnh Văn Q vay 2.000.000 đồng dùng đánh bạc. Khi Công an vào bắt, Nguyễn D đã cất 16.800.000 đồng vào tủ quần áo nhà ông Trịnh Văn Đ nhưng đã bị phát hiện thu giữ.

Lê Văn T và Trịnh Văn Q khai: Do không có tiền chơi nên cầm cố điện thoại cho Nguyễn D để vay (Tuấn vay 3.000.000 đồng, Trịnh Văn Q vay 2.000.000 đồng), khi bị bắt cả hai cùng thua hết.

Nguyễn Mạnh X khai khi đi đánh bạc mang theo số tiền 500.000 đồng, khi bị bắt đã thua mất 300.000 đồng, số còn lại 200.000đ bị thu giữ.

Nguyễn Văn Th khai mang theo 900.000 đồng, khi bị bắt đã thua hết.

Nguyễn Quang G khai mang theo số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, đánh thắng 900.000 đồng, khi Công an vào bắt đã mang theo 1.900.000 đồng bỏ trốn. Sau khi đầu thú, bị can đã giao nộp.

Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 26/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Trịnh Văn Q có đơn trình bày: Quá trình điều tra đã nhận được các quyết định tố tụng theo quy định, đã nhận ra sai phạm của mình, đồng thời xin xét xử vắng mặt vì bố đẻ của bị cáo chết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng:

- Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65; Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với Trịnh T và Nguyễn D, xử phạt mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

- Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36; Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Đ, Nguyễn H, Nguyễn Mạnh X, Lê Văn T, Nguyễn Văn Th,

Nguyễn Quang G, Trịnh Văn Q, xử phạt mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là nông dân hoặc lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước giá trị 02 điện thoại thu giữ của T và Trịnh Văn Q, tịch thu sung quỹ Nhà nước 37.000.000đ tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Tịch thu để hủy 01 bát, 01 đĩa sứ và 04 quân vị cắt tròn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người có liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại. Có đủ căn cứ xác định, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét đơn đề nghị ngày 08/07/2018 của Trịnh Văn Q thì thấy, đơn đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, bản thân Trịnh Văn Q đã nhận ra sai phạm và xin xét xử vắng mặt vì bố đẻ bị cáo chết. Đảm bảo chính sách nhân đạo và phong tục, truyền thống, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của Trịnh Văn Q và xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, biên bản phạm pháp quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 40 phút ngày 26/01/2018, tại nhà ông Trịnh Minh Đ, các đối tượng Trịnh T, Nguyễn Đ, Nguyễn H, Nguyễn Mạnh X, Lê Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quang G, Trịnh Văn Q đã tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh sóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, Nguyễn D sử dụng 21.800.000đ để cho vay kiếm lời. Tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 37.000.000đ.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tính chất hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá mới. Xét thấy cần phải xử lý nghiêm thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Đ, Nguyễn H, Nguyễn Mạnh X, Lê Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quang G, Trịnh Văn Q và phạt tù cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Trịnh T và Nguyễn D cũng phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội đã thực hiện, đủ khả năng để họ tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Xem xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy:

Trịnh T là đối tượng cầm cái từ đầu và cùng với Nguyễn D là hai đối tượng có số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc lớn nhất. Nguyễn Đ, Nguyễn H, Lê Văn T, Trịnh Văn Q tham gia đánh bạc với số tiền chỉ ít hơn Trịnh T và Nguyễn D, cuối cùng là Nguyễn Mạnh X, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quang G có số tiền đánh bạc ít nhất, tuy nhiên X còn có hành vi cất quân; nên xét hành vi của Trịnh T và Lê Văn T, Nguyễn D có tính nguy hiểm, có vai trò và tính chất được thua lớn hơn nên phải chịu trách nhiệm cao nhất, tiếp theo là nhóm các bị cáo Nguyễn Đ, Nguyễn H, Lê Văn T, Trịnh Văn Q và Nguyễn Mạnh X, cuối cùng là nhóm các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quang G.

[4] Về việc khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều làm ruộng hoặc lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ một phần thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về tang vật chứng: Số tiền 37.000.000đ và 02 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo là tiền và vật dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các vật chứng khác gồm 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân bài bằng giấy cắt tròn là các vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Trong vụ án các đối tượng khai sử dụng nhà ở của Trịnh Minh Đ là câu ruột của Nguyễn D để đánh bạc. Tuy nhiên ông Đ không có mặt ở nhà và không biết việc các bị cáo đánh bạc, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với Trịnh T và Nguyễn D.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Đ, Nguyễn H, Nguyễn Mạnh X, Lê Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quang G.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điểm c Khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng Hình sự đối với Trịnh Văn Q.

- Tuyên bố các bị cáo Trịnh T, Nguyễn Đ, Nguyễn H, Nguyễn Mạnh X, Lê Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quang G, Trịnh Văn Q, Nguyễn D phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

- Trịnh T 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, tính từ ngày tuyên án.

- Nguyễn D 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, tính từ ngày tuyên án.

- Nguyễn H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 18 ngày cải tạo không giam giữ (quy đổi từ 06 ngày tạm giữ); còn phải chấp hành 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Mạnh X 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 18 ngày cải tạo không giam giữ (quy đổi từ 06 ngày tạm giữ); còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

- Lê Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 18 ngày cải tạo không giam giữ (quy đổi từ 06 ngày tạm giữ); còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 18 ngày cải tạo không giam giữ (quy đổi từ 06 ngày tạm giữ); còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

- Trịnh Văn Q 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Văn Th 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.
- Nguyễn Quang G 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành án đối với Nguyễn Đ, Nguyễn H, Nguyễn Mạnh X, Lê Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quang G, Trịnh Văn Q tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Giao Trịnh T, Nguyễn D cho UBND xã L, huyện M, thành phố Hà Nội và gia đình các bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Trịnh Văn Q định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao Nguyễn Đ, Nguyễn H, Nguyễn Mạnh X, Lê Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quang G, Trịnh Văn Q cho UBND xã L, huyện M, thành phố Hà Nội và gia đình các bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị cắt tròn thu giữ khi bắt quả tang.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 37.000.000đ các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc, hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 25/6/2018.

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động, 01 chiếc hiệu Iphone 6plus số IMEI: 359239060531861 và 01 chiếc điện thoại Iphone 6 số IMEI: 354385068741112.

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện M và Chi cục thi hành án dân sự huyện M ngày 25/06/2018.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Khoản 1 Điều 21, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện M;
- Cơ quan THAHS huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Hiệp